

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Thông tin tuyển sinh năm 2026
HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐTTĐHYD ngày 14/3/2025 của Hội đồng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15/02/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành về việc ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 05/2021/TT-BLĐTBXH ngày 07/07/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định Quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Công văn số 887/ĐHTN-ĐT&QLNH ngày 25/02/2026 của Đại học Thái Nguyên về việc Hướng dẫn triển khai công tác tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng, Phòng Đào tạo, Khoa học và Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Thông tin tuyển sinh năm 2026 của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo, Khoa học và Công nghệ, Trưởng các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- ĐHTN (để b/c);
- HĐTS Trường;
- Ban Thư ký HĐTS;
- Như Điều 3;
- Website Trường;
- Lưu VT, ĐTKHCN.

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS. Nguyễn Tiến Dũng

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 500/QĐ-ĐHYD ngày 20/03/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y-Dược, Đại học Thái Nguyên)

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở đào tạo:** Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.
- Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh:** DTY
- Địa chỉ trụ sở:** 284 đường Lương Ngọc Quyến, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên.
- Địa chỉ trang thông tin điện tử:** <https://tump.edu.vn>
- Số điện thoại liên hệ tuyển sinh (trong giờ hành chính):**
Đại học: 02083 854 504; 02083 655 652,
Cao đẳng: 0349 575 686
- Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh:** <http://tuyensinh.tump.edu.vn>
- Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của CSĐT:**
<https://tump.edu.vn/category/cong-khai>

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC (HÌNH THỨC CHÍNH QUY)

1. Các phương thức tuyển sinh trình độ đại học

Năm 2026 Trường Đại học Y – Dược, Đại học Thái Nguyên tuyển sinh theo các phương thức sau:

TT	Tên phương thức	Mã phương thức	Ghi chú
1	Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT 2026	100	
2	Xét tuyển thẳng theo Điều 8 Quy chế tuyển sinh	301	
3	Xét tuyển sử dụng kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	200	
4	Xét tuyển sử dụng kết quả bài thi đánh giá năng lực (HSA) do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức	402	
5	Xét tuyển sử dụng kết quả Kỳ thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính (V-SAT)	417	
6	Phương thức khác	500	

1.1. Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT

1.1.1. Mã phương thức xét tuyển: 100

1.1.2. Đối tượng xét tuyển

Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT), trung học nghề (THN) của Việt Nam hoặc của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương với THPT, THN của Việt Nam do các đơn vị chức năng xác định tại thời điểm xét.

1.1.3. Điều kiện dự tuyển

Thí sinh đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:



- Tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào từ điểm thi tốt nghiệp THPT do Nhà trường công bố năm 2026;
- Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành (*thí sinh khuyết tật có thể liên hệ với Trường để được tư vấn lựa chọn ngành học phù hợp*);
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định;
- Nộp đủ lệ phí xét tuyển, lệ phí quy đổi chứng chỉ IELTS sang môn Tiếng Anh (nếu có) theo quy định tại Mục 7, phần II văn bản này.

1.1.4. Đăng ký xét tuyển

- Thí sinh được đăng ký xét tuyển (ĐKXT) tất cả các ngành đào tạo trình độ đại học (ĐH) của Trường¹, các nguyện vọng (NV) được xếp thứ tự từ 1 đến hết (*NV1 là NV cao nhất*).
- Hình thức ĐKXT: trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GD&ĐT (*sau đây gọi tắt là Hệ thống*).
- Nộp minh chứng điểm cộng (nếu có) theo quy định tại Mục 4.3, Phần II văn bản này.

1.1.5. Nguyên tắc xét tuyển

- Điểm xét tuyển (ĐXT) là tổng điểm 3 môn (kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026) thuộc tổ hợp môn xét tuyển cộng với điểm cộng, điểm ưu tiên (*nếu có*). Đối với thí sinh có chứng chỉ IELTS chỉ được dùng cho quy đổi điểm môn tiếng Anh trong tổ hợp xét tuyển hoặc sử dụng cho điểm khuyến khích (*điểm quy đổi như Mục 4.2, phần II văn bản này*). ĐXT được làm tròn đến 2 chữ số thập phân.
- Nguyên tắc xét tuyển: dựa vào ĐXT, xét lần lượt từ điểm cao đến điểm thấp cho đến hết số lượng theo chỉ tiêu của ngành xét tuyển.
- Điểm cộng, điểm ưu tiên được thực hiện theo Mục 4, phần II văn bản này.

1.2. Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8 Thông tư 06/2026/TT-BGDĐT, ngày 15/02/2026).

1.2.1. Mã phương thức xét tuyển: 301

1.2.2. Đối tượng xét tuyển thẳng

- a) Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc được xét tuyển thẳng vào các ngành tuyển sinh của Trường.
- b) Thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2026 được xét tuyển thẳng trong các trường hợp sau:
 - Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế được xét tuyển thẳng vào tất cả các ngành mà trong tổ hợp môn xét tuyển có môn thí sinh đạt giải; thời hạn đạt giải tính đến ngày 30/6/2026 không quá 3 năm.
 - Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GD&ĐT tổ chức, cử tham gia được xem xét tuyển thẳng vào ngành phù hợp với nội dung của đề tài và thí sinh phải bảo vệ được nội dung nghiên cứu của mình (*bằng Tiếng Anh nếu thí sinh đạt giải cấp quốc tế hoặc bằng Tiếng Việt nếu là thí sinh đạt giải cấp quốc gia*) trước Hội đồng Nhà trường. Thời hạn đạt giải tính đến ngày 30/6/2026 không quá 3 năm. Đồng thời thí sinh phải đạt ngưỡng đầu vào đối với chương trình đào tạo, cụ thể:

+ Dự tuyển ngành Y khoa, Răng - Hàm - Mặt và Dược học: Kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) cả năm lớp 12 (kết

¹ Chi tiết ngành, chỉ tiêu, phương thức xét tuyển và tổ hợp xét tuyển tại Mục 3, Phần II văn bản này

quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt 20,00 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (điểm thi tốt nghiệp trung học nghề) từ 8,50 trở lên theo thang điểm 10;

+ Dự tuyển ngành Điều dưỡng, Y học dự phòng, Hộ sinh, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học và Kỹ thuật phục hồi chức năng: Kết quả trung bình chung học tập đánh giá mức khá (học lực xếp loại từ khá trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT đạt 16,50 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (trung học nghề) từ 6,50 trở lên theo thang điểm 10;

1.2.3. Nguyên tắc xét tuyển

Thí sinh ĐKXT vào nhiều ngành, phải sắp xếp các NV theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (NV 1 là NV cao nhất). Trong trường hợp nhiều NV đủ điều kiện trúng tuyển, thí sinh chỉ được công nhận trúng tuyển và gọi nhập học theo NV cao nhất.

1.2.4. Hồ sơ xét tuyển

- Phiếu ĐKXT thẳng (tài mẫu Phiếu tại <http://tuyensinh.tump.edu.vn/forms/mau-phieu-dang-ky-xet-tuyen-dh-2026>);

- Bản sao học bạ THPT (có chứng thực);

- Bản sao có chứng thực các giấy tờ xác nhận thuộc đối tượng dự tuyển (Giấy chứng nhận đoạt giải Kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia...);

- Bản sao căn cước công dân.

- Đối với thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GD&ĐT tổ chức, cử tham gia, phải nộp 01 quyền đề tài, 05 quyền tóm tắt đề tài bằng Tiếng Việt (nếu là thí sinh đoạt giải cấp quốc gia), 01 quyền đề tài, 05 quyền tóm tắt đề tài bằng Tiếng Anh (nếu thí sinh đoạt giải cấp quốc tế); đồng thời gửi file báo cáo (PowerPoint) bằng Tiếng Việt (nếu thí sinh đoạt giải quốc gia), file báo cáo (PowerPoint) bằng Tiếng Anh (nếu thí sinh đoạt giải quốc tế) về địa chỉ: daotaodaihoc@tump.edu.vn trước 17h00 ngày 20/6/2026.

- Hồ sơ xét tuyển gửi đến địa chỉ: Trường ĐH Y - Dược, ĐH Thái Nguyên, số 284, đường Lương Ngọc Quyến, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên. (ngoài bì túi hồ sơ ghi rõ: Hồ sơ xét tuyển thẳng ĐH năm 2026; Mã số phương thức xét tuyển 301; Họ và tên thí sinh; Ngày tháng năm sinh; số điện thoại, Ngành xét tuyển; Liệt kê đầy đủ các tài liệu có trong túi hồ sơ). Thời gian nhận hồ sơ từ ngày 08/06/2026 đến trước 17 giờ ngày 20/06/2026.

1.2.5. Hình thức ĐKXT:

Thí sinh đăng ký xét tuyển trên Hệ thống Bộ GD&ĐT.

1.2.6. Lệ phí xét tuyển

Ngoài lệ phí xét tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT, thí sinh phải nộp 200.000 VNĐ/hồ sơ cho Nhà trường bằng hình thức chuyển khoản, thông tin chuyển khoản tại Mục 7, Phần II văn bản này.

1.3. Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)

1.3.1. Mã phương thức xét tuyển: 200

1.3.2. Đối tượng dự tuyển

Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT), trung học nghề (THN) của Việt Nam hoặc của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương với THPT, THN của Việt Nam do các đơn vị chức năng xác định tại thời điểm xét.

1.3.3. Điều kiện dự tuyển

- Thí sinh đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

Dự tuyển ngành Y khoa, Răng – Hàm – Mặt, Dược học: kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt 20,00 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (điểm thi tốt nghiệp trung học nghề) từ 8,50 trở lên theo thang điểm 10;

Dự tuyển ngành Điều dưỡng, Y học dự phòng, Hộ sinh, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học, Kỹ thuật phục hồi chức năng: kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức khá (học lực xếp loại từ khá trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT đạt 16,50 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (trung học nghề) từ 6,50 trở lên theo thang điểm 10;

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định (*thí sinh khuyết tật có thể liên hệ với Trường để được tư vấn lựa chọn ngành học phù hợp*);

- Có đầy đủ hồ sơ dự tuyển theo quy định;

- Nộp đủ lệ phí xét tuyển theo quy định tại Mục 7, Phần II văn bản này.

1.3.4. Đăng ký xét tuyển:

Thí sinh được đăng ký xét tuyển (ĐKXT) tất cả các ngành đào tạo trình độ đại học (ĐH) của Trường, các nguyện vọng (NV) được xếp thứ tự từ 1 đến hết (*NV1 là NV cao nhất*).

- Hình thức ĐKXT: trên Hệ thống Bộ GD&ĐT.

- Nộp minh chứng điểm cộng (nếu có) theo quy định tại Mục 4.3, Phần II văn bản này.

1.3.5. Nguyên tắc xét tuyển

- Dữ liệu kết quả học tập cấp THPT được lấy từ Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GD&ĐT.

- Điểm thuộc tổ hợp xét tuyển: là tổng điểm trung bình chung (ĐTBC) học tập 6 học kỳ (*bao gồm học kỳ 1 và học kỳ 2 của các năm lớp 10, 11, 12*) của 3 môn thuộc tổ hợp môn xét tuyển (*hệ thống sẽ chọn tổ hợp cao nhất*).

- ĐXT bao gồm **điểm thuộc tổ hợp xét tuyển** đã được quy đổi (Cách thức quy đổi sẽ được Nhà trường công bố sau khi Bộ GD&ĐT công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào các ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe) cộng với điểm cộng, điểm ưu tiên (*nếu có*). ĐXT được làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

- Nguyên tắc xét tuyển dựa vào ĐXT, xét lần lượt từ điểm cao đến điểm thấp cho đến hết số lượng theo chỉ tiêu của ngành xét tuyển.

- Điểm cộng, điểm ưu tiên được thực hiện theo Mục 4, phần II văn bản này.

1.4. Xét tuyển sử dụng kết quả bài thi đánh giá năng lực (HSA) do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức

1.4.1. Mã số phương thức xét tuyển: 402

1.4.2. Đối tượng xét tuyển

Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT), trung học nghề (THN) của Việt Nam hoặc của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương với THPT, THN của Việt Nam do các đơn vị chức năng xác định tại thời điểm xét.

1.4.3. Điều kiện xét tuyển

- Thí sinh đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

Dự tuyển ngành Y khoa, Răng - Hàm - Mặt và Dược học: Kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt 20,00 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (điểm thi tốt nghiệp trung học nghề) từ 8,50 trở lên theo thang điểm 10;

Dự tuyển ngành Điều dưỡng, Y học dự phòng, Hộ sinh, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học và Kỹ thuật phục hồi chức năng: Kết quả trung bình chung học tập đánh giá mức khá (học lực xếp loại từ khá trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT đạt 16,50 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (trung học nghề) từ 6,50 trở lên theo thang điểm 10;

- Có kết quả bài thi HSA do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức ≥ 80 điểm; bài thi HSA phải có Phần thi và Chủ đề tương ứng với ít nhất 03 môn thuộc tổ hợp xét tuyển của Nhà trường tại Mục 3, Phần II văn bản này;

- Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành (*thí sinh khuyết tật có thể liên hệ với Trường để được tư vấn lựa chọn ngành học phù hợp*);

- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định;

- Nộp đủ lệ phí xét tuyển theo quy định tại Mục 7, Phần II văn bản này.

1.4.4. Đăng ký xét tuyển

- Thí sinh được ĐKXT tất cả các ngành đào tạo trình độ ĐH của Trường², các NV được xếp thứ tự từ 1 đến hết (*NV1 là NV cao nhất*);

- Hình thức ĐKXT: trên Hệ thống Bộ GD&ĐT;

- Nộp minh chứng điểm cộng (nếu có) theo quy định tại Mục 4.3, Phần II văn bản này.

1.4.5. Nguyên tắc xét tuyển

- Dữ liệu kết quả bài thi HSA được lấy từ Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GD&ĐT.

- ĐXT gồm: tổng điểm bài thi HSA đã được quy đổi (Cách thức quy đổi sẽ được Nhà trường công bố sau khi Bộ GD&ĐT công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào các ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe) cộng với điểm cộng, điểm ưu tiên (*nếu có*). ĐXT được làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

- Nguyên tắc xét tuyển dựa vào ĐXT, xét lần lượt từ điểm cao đến điểm thấp cho đến hết số lượng theo chỉ tiêu của ngành xét tuyển.

- Điểm cộng, điểm ưu tiên được thực hiện theo Mục 4.3, Phần II văn bản này.

1.5. Xét tuyển sử dụng kết quả Kỳ thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính (V-SAT) của các cơ sở giáo dục

1.5.1. Mã số phương thức xét tuyển: 417.

² Chi tiết ngành, chỉ tiêu, phương thức xét tuyển và tổ hợp xét tuyển tại Mục 3, Phần II văn bản này



1.5.2. Đối tượng xét tuyển

Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT), trung học nghề (THN) của Việt Nam hoặc của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương với THPT, THN của Việt Nam do các đơn vị chức năng xác định tại thời điểm xét.

1.5.3. Điều kiện xét tuyển

- Thí sinh đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

Dự tuyển ngành Y khoa, Răng - Hàm - Mặt và Dược học: Kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt 20,00 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (điểm thi tốt nghiệp trung học nghề) từ 8,50 trở lên theo thang điểm 10;

Dự tuyển ngành Điều dưỡng, Y học dự phòng, Hộ sinh, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học và Kỹ thuật phục hồi chức năng: Kết quả trung bình chung học tập đánh giá mức khá (học lực xếp loại từ khá trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT đạt 16,50 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (trung học nghề) từ 6,50 trở lên theo thang điểm 10;

- Có kết quả thi V-SAT do các cơ sở giáo dục tổ chức ≥ 250 điểm (là tổng điểm 03 môn trong cùng một lần thi thuộc tổ hợp môn xét tuyển của Nhà trường được quy định tại Mục 3, Phần II văn bản này);

- Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành (thí sinh khuyết tật có thể liên hệ với Trường để được tư vấn lựa chọn ngành học phù hợp);

- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định;

- Nộp đủ lệ phí xét tuyển theo quy định tại Mục 7, Phần II văn bản này.

1.5.4. Đăng ký xét tuyển

- Thí sinh được ĐKXT tất cả các ngành đào tạo trình độ ĐH của Trường³, các NV được xếp thứ tự từ 1 đến hết (NV1 là NV cao nhất);

- Hình thức ĐKXT: trên Hệ thống Bộ GD&ĐT;

- Nộp minh chứng điểm cộng (nếu có) theo quy định tại Mục 4.3, Phần II văn bản này.

1.5.5. Nguyên tắc xét tuyển

- Dữ liệu kết quả thi V-SAT được lấy từ Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GD&ĐT.

- ĐXT gồm: là tổng điểm 03 môn thuộc tổ hợp xét tuyển của bài thi V-SAT đã được quy đổi (Cách thức quy đổi sẽ được Nhà trường công bố sau khi Bộ GD&ĐT công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào các ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe) cộng với điểm cộng, điểm ưu tiên (nếu có). ĐXT được làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

- Nguyên tắc xét tuyển dựa vào ĐXT, xét lần lượt từ điểm cao đến điểm thấp cho đến hết số lượng theo chỉ tiêu của ngành xét tuyển.

- Điểm cộng, điểm ưu tiên được thực hiện theo Mục 4.3, Phần II văn bản này.

1.6. Phương thức khác:

1.6.1. Mã phương thức xét tuyển: 500

³ Chi tiết ngành, chỉ tiêu, phương thức xét tuyển và tổ hợp xét tuyển tại Mục 3, Phần II văn bản này

1.6.2. *Đối tượng xét tuyển*: Áp dụng đối với học sinh dự bị đại học, lưu học sinh.

1.6.3. *Chỉ tiêu tuyển sinh*: Nhà trường dành tối đa 5% chỉ tiêu theo từng ngành để xét tuyển đối tượng này.

1.6.4. *Thời gian, hình thức đăng ký, hồ sơ xét tuyển*: Sẽ được quy định cụ thể trong thông báo tuyển sinh của Nhà trường.

2. Quy tắc quy đổi độ lệch điểm ngưỡng đầu vào và điểm xét tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

Việc quy đổi từ kết quả chứng chỉ IELTS sang thang điểm 10 môn tiếng Anh dùng cho ngưỡng đầu vào và điểm xét tuyển được thực hiện theo Mục 4.2, Phần II văn bản này.

Việc quy đổi độ lệch điểm ngưỡng đầu vào và điểm xét tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh thực hiện theo Hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đại học Thái Nguyên và được Nhà trường công khai trên trang thông tin điện tử.

3. Số lượng tuyển sinh trình độ đại học (Dự kiến)

T T	Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo (CTĐT)	Mã ngành	Tên ngành	Số lượng	Phương thức tuyển sinh	Tổ hợp xét tuyển	
1	DTY101	CTĐT Bác sĩ ngành Y khoa	7720101	Y khoa	600	1. Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT (PTXT 100)	A00: Toán, Vật lý, Hoá học A02: Toán, Vật lý, Sinh học B00: Toán, Hoá học, Sinh học D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh D08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh	
						2. Xét kết quả học tập cấp THPT (PTXT 200)		
						3. Sử dụng kết quả bài thi đánh giá năng lực do ĐHQGHN tổ chức để xét tuyển (PTXT 402)		
						4. Sử dụng kết quả Kỳ thi V-SAT do các cơ sở giáo dục tổ chức để xét tuyển (PTXT 417)		
						5. Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh Bộ GD&ĐT (PTXT 301)		Thực hiện theo Điều 8, Quy chế tuyển sinh Bộ GD&ĐT
						6. Phương thức khác (PTXT 500): Áp dụng cho dự bị đại học và lưu học sinh		Đại học Thái Nguyên và Nhà trường tổ chức xét tuyển
2	DTY501	CTĐT Bác sĩ ngành Răng - Hàm - Mặt	7720501	Răng - Hàm - Mặt	90	1. Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT (PTXT 100)	A00: Toán, Vật lý, Hoá học A02: Toán, Vật lý, Sinh học B00: Toán, Hoá học, Sinh học D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh D08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh	
						2. Xét kết quả học tập cấp THPT (PTXT 200)		
						3. Sử dụng kết quả bài thi đánh giá năng lực do ĐHQGHN tổ chức để xét tuyển (PTXT 402)		
						4. Sử dụng kết quả Kỳ thi V-SAT do các cơ sở giáo dục tổ chức để xét tuyển (PTXT 417)		
						5. Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh Bộ GD&ĐT (PTXT 301)		Thực hiện theo Điều 8, Thông tư 06/2026/TT-BGDĐT, ngày 15/02/2026.
						6. Phương thức khác (PTXT 500): Áp dụng cho dự bị đại học và lưu học sinh		Đại học Thái Nguyên và Nhà trường tổ chức xét tuyển

3	DTY201	CTĐT Dược sĩ ngành Dược học	7720201	Dược học	220	1. Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT (PTXT 100)	A00: Toán, Vật lý, Hoá học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh A02: Toán, Vật lý, Sinh học B00: Toán, Hoá học, Sinh học D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh D08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh
						2. Xét kết quả học tập cấp THPT (PTXT 200)	
						3. Sử dụng kết quả bài thi đánh giá năng lực do ĐHQGHN tổ chức để xét tuyển (PTXT 402)	
						4. Sử dụng kết quả Kỳ thi V-SAT do các cơ sở giáo dục tổ chức để xét tuyển (PTXT 417)	
						5. Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh Bộ GD&ĐT (PTXT 301)	
						6. Phương thức khác (PTXT 500): Áp dụng cho dự bị đại học và lưu học sinh	
4	DTY110	CTĐT Bác sĩ ngành Y học dự phòng	7720110	Y học dự phòng	100	1. Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT (PTXT 100)	A00: Toán, Vật lý, Hoá học A02: Toán, Vật lý, Sinh học B00: Toán, Hoá học, Sinh học D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh D08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh
						2. Xét kết quả học tập cấp THPT (PTXT 200)	
						3. Sử dụng kết quả bài thi đánh giá năng lực do ĐHQGHN tổ chức để xét tuyển (PTXT 402)	
						4. Sử dụng kết quả Kỳ thi V-SAT do các cơ sở giáo dục tổ chức để xét tuyển (PTXT 417)	
						5. Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh Bộ GD&ĐT (PTXT 301)	
						6. Phương thức khác (PTXT 500): Áp dụng cho dự bị đại học và lưu học sinh	
5	DTY301	CTĐT Cử nhân ngành Điều dưỡng	7720301	Điều dưỡng	250	1. Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT (PTXT 100)	A00: Toán, Vật lý, Hoá học A02: Toán, Vật lý, Sinh học B00: Toán, Hoá học, Sinh học D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh D08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh
						2. Xét kết quả học tập cấp THPT (PTXT 200)	
						3. Sử dụng kết quả bài thi đánh giá năng lực do ĐHQGHN tổ chức để xét tuyển (PTXT 402)	
						4. Sử dụng kết quả Kỳ thi V-SAT do các cơ sở giáo dục tổ chức để xét tuyển (PTXT 417)	

						5. Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh Bộ GD&ĐT (PTXT 301)	Thực hiện theo Điều 8, Thông tư 06/2026/TT-BGDĐT, ngày 15/02/2026.
						6. Phương thức khác (PTXT 500): Áp dụng cho dự bị đại học và lưu học sinh	Đại học Thái Nguyên và Nhà trường tổ chức xét tuyển
6	DTY302	CTĐT Cử nhân ngành Hộ sinh	7720302	Hộ sinh	60	1. Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT (PTXT 100)	A00: Toán, Vật lý, Hoá học
						2. Xét kết quả học tập cấp THPT (PTXT 200)	A02: Toán, Vật lý, Sinh học
						3. Sử dụng kết quả bài thi đánh giá năng lực do ĐHQGHN tổ chức để xét tuyển (PTXT 402)	B00: Toán, Hoá học, Sinh học
						4. Sử dụng kết quả Kỳ thi V-SAT do các cơ sở giáo dục tổ chức để xét tuyển (PTXT 417)	D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh
							D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh
							D08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh
						5. Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh Bộ GD&ĐT (PTXT 301)	Thực hiện theo Điều 8, Thông tư 06/2026/TT-BGDĐT, ngày 15/02/2026.
						6. Phương thức khác (PTXT 500): Áp dụng cho dự bị đại học và lưu học sinh	Đại học Thái Nguyên và Nhà trường tổ chức xét tuyển
7	DTY601	CTĐT Cử nhân ngành Kỹ thuật xét nghiệm	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	70	1. Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT (PTXT 100)	A00: Toán, Vật lý, Hoá học
						2. Xét kết quả học tập cấp THPT (PTXT 200)	A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh
						3. Sử dụng kết quả bài thi đánh giá năng lực do ĐHQGHN tổ chức để xét tuyển (PTXT 402)	A02: Toán, Vật lý, Sinh học
						4. Sử dụng kết quả Kỳ thi V-SAT do các cơ sở giáo dục tổ chức để xét tuyển (PTXT 417)	B00: Toán, Hoá học, Sinh học
							D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh
							D08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh
						5. Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh Bộ GD&ĐT (PTXT 301)	Thực hiện theo Điều 8, Thông tư 06/2026/TT-BGDĐT, ngày 15/02/2026.
						6. Phương thức khác (PTXT 500): Áp dụng cho dự bị đại học và lưu học sinh	Đại học Thái Nguyên và Nhà trường tổ chức xét tuyển



8	DTY602	CTĐT Cử nhân ngành Kỹ thuật hình ảnh y học	7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học	68	1. Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT (PTXT 100)	A00: Toán, Vật lý, Hoá học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh A02: Toán, Vật lý, Sinh học B00: Toán, Hoá học, Sinh học D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh D08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh	
						2. Xét kết quả học tập cấp THPT (PTXT 200)		
						3. Sử dụng kết quả bài thi đánh giá năng lực do ĐHQGHN tổ chức để xét tuyển (PTXT 402)		
						4. Sử dụng kết quả Kỳ thi V-SAT do các cơ sở giáo dục tổ chức để xét tuyển (PTXT 417)		
						5. Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh Bộ GD&ĐT (PTXT 301)		Thực hiện theo Điều 8, Thông tư 06/2026/TT-BGDĐT, ngày 15/02/2026.
						6. Phương thức khác (PTXT 500): Áp dụng cho dự bị đại học và lưu học sinh		Đại học Thái Nguyên và Nhà trường tổ chức xét tuyển
9	DTY603	CTĐT Cử nhân ngành Kỹ thuật phục hồi chức năng	7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng	68	1. Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT (PTXT 100)	A00: Toán, Vật lý, Hoá học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh A02: Toán, Vật lý, Sinh học B00: Toán, Hoá học, Sinh học D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh D08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh	
						2. Xét kết quả học tập cấp THPT (PTXT 200)		
						3. Sử dụng kết quả bài thi đánh giá năng lực do ĐHQGHN tổ chức để xét tuyển (PTXT 402)		
						4. Sử dụng kết quả Kỳ thi V-SAT do các cơ sở giáo dục tổ chức để xét tuyển (PTXT 417)		
						5. Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh Bộ GD&ĐT (PTXT 301)		Thực hiện theo Điều 8, Thông tư 06/2026/TT-BGDĐT, ngày 15/02/2026.
						6. Phương thức khác (PTXT 500): Áp dụng cho dự bị đại học và lưu học sinh		Đại học Thái Nguyên và Nhà trường tổ chức xét tuyển
Tổng cộng					1.526			

4. Các thông tin cần thiết khác

4.1. Các điều kiện phụ

Đối với các thí sinh có ĐXT bằng nhau ở cuối danh sách thì Trường sẽ xét trúng tuyển dựa trên tiêu chí ưu tiên thí sinh có điểm thi tốt nghiệp THPT môn Toán năm 2026 cao hơn.

4.2. Quy đổi điểm chứng chỉ IELTS sang thang điểm 10 môn tiếng Anh

TT	Điểm IELTS	Thang điểm 10
1	7.5 – 9.0	10
2	7.0	9,5
3	6.5	9,0
4	6.0	8,5
5	5.5	7,5

- Bản scan chứng chỉ IELTS nộp trực tuyến về Nhà trường trong thời gian từ ngày 15/6/2026 đến 17 giờ 00 ngày 30/6/2026 tại địa chỉ: <http://tuyensinh.tump.edu.vn/article/nop-minh-chung-tuyen-sinh-dai-hoc-chinh-quy>

4.3. Điểm cộng

- Điểm cộng của thí sinh bao gồm: (i) Đạt giải học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương trở lên, (ii) Chứng chỉ IELTS⁴ từ 5.5 điểm trở lên, (iii) Kết quả học tập cấp THPT được đánh giá mức tốt hoặc học lực xếp loại giỏi trở lên;

- Trường hợp thí sinh đạt điểm cộng nhưng không nộp minh chứng hoặc không đăng ký đầy đủ, thí sinh không được hưởng điểm cộng theo văn bản này.

4.3.1. Nộp minh chứng điểm cộng

- Minh chứng điểm cộng bao gồm: (i) Chứng nhận đạt giải học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương trở lên (nếu có); (ii) Chứng chỉ IELTS từ 5.5 điểm trở lên (nếu có); (iii) học bạ THPT (đối với các thí sinh được công nhận tốt nghiệp THPT từ 2025 trở về trước).

- Minh chứng điểm cộng nộp trực tuyến từ ngày 15/6 đến 17 giờ 00 ngày 30/6/2026 tại địa chỉ: <http://tuyensinh.tump.edu.vn/article/nop-minh-chung-tuyen-sinh-dai-hoc-chinh-quy>

4.3.2. Quy đổi mức điểm cộng

Thành tích	Giải	Mức điểm cộng	Thành phần điểm cộng
Thí sinh đạt giải trong kỳ thi chọn Học sinh giỏi Quốc gia thuộc các môn trong tổ hợp xét tuyển.	Nhất	3,00	Điểm thưởng
	Nhì	2,75	
	Ba	2,50	
Thí sinh đạt giải trong kỳ thi chọn Học sinh giỏi Quốc gia thuộc các môn trong tổ hợp xét tuyển.	Khuyến khích	1,50	Điểm xét thưởng
Thí sinh đạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương năm lớp 12 thuộc các môn trong tổ hợp xét tuyển.	Nhất	1,40	
	Nhì	1,30	
	Ba	1,20	

⁴ Chứng chỉ IELTS do British Council/IDP Education cấp tính từ ngày cấp đến ngày 30/6/2026 không quá 24 tháng

Kết quả học tập cấp THPT 3 năm được đánh giá mức tốt hoặc học lực xếp loại giỏi trở lên	1,00	Điểm khuyến khích
Kết quả học tập cấp THPT có 2 năm được đánh giá mức tốt hoặc học lực xếp loại giỏi trở lên	0,50	
Điểm IELTS từ 8.5 – 9.0	1,50	
Điểm IELTS từ 7.0 – 8.0	1,25	
Điểm IELTS từ 6.0 – 6.5	1,00	
Điểm IELTS 5.5	0,50	

- Mỗi thành phần điểm cộng (bao gồm điểm thưởng, điểm xét thưởng và điểm khuyến khích) chỉ được chọn thành tích cao nhất.

- Tổng mức điểm cộng của thí sinh không vượt quá 03 điểm; trường hợp tổng điểm cộng từ 3 điểm trở lên thì chỉ được tính 3 điểm.

- Đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 25 trở lên, để đảm bảo tổng điểm không vượt quá 30, điểm cộng được xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm cộng} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/5] \times \text{Mức điểm cộng}$$

4.4. Điểm ưu tiên

- Dữ liệu điểm ưu tiên được lấy từ Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GD&ĐT.

- Điểm ưu tiên bao gồm: điểm khu vực, đối tượng (nếu có).

- Đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên, để đảm bảo tổng điểm không vượt quá 30, điểm ưu tiên được xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên}$$

4.5 Kiểm tra hồ sơ trúng tuyển

- Thí sinh trúng tuyển cần xác nhận nhập học và đến trường làm thủ tục nhập học trong thời gian quy định. Quá thời hạn này, thí sinh không đến nhập học nếu không có lý do chính đáng được xem như từ chối nhập học.

- Khi thí sinh trúng tuyển nhập học cần nộp đầy đủ hồ sơ, giấy tờ theo thông báo của Nhà trường. Hội đồng tuyển sinh của Trường sẽ tổ chức kiểm tra hồ sơ đã nộp, đặc biệt là các minh chứng để xét tuyển thẳng, hưởng chế độ ưu tiên, điểm cộng. Các sai sót nếu có, sẽ được xử lý theo quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành.

- Trong quá trình xét tuyển và khi sinh viên đang theo học, Nhà trường sẽ tổ chức thanh, kiểm tra hồ sơ và điểm xét tuyển của thí sinh. Thí sinh chịu trách nhiệm về tính xác thực và các thông tin đăng ký trên cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GD&ĐT. Nhà trường có quyền từ chối tiếp nhận hoặc buộc thôi học nếu thí sinh không đảm bảo các điều kiện trúng tuyển khi đối chiếu thông tin.

5. Tổ chức tuyển sinh

Phương thức xét tuyển	Nội dung	Thời gian	Ghi chú
1. Xét tuyển thẳng theo quy chế Bộ GD&ĐT (PTXT 301)	Nhận hồ sơ xét tuyển và lệ phí xét tuyển	Trước 17 giờ 00 ngày 20/6/2026	Xem Mục 1.2.4 Phần II
	Nhà trường tổ chức xét tuyển và công bố danh sách thí sinh đủ điều kiện tuyển thẳng	Từ ngày 21/6 đến 17 giờ 00 ngày 30/6/2026	

Phương thức xét tuyển	Nội dung	Thời gian	Ghi chú
	Thí sinh đủ điều kiện tuyển thẳng đăng ký, điều chỉnh, bổ sung NVXT vào Hệ thống	Từ ngày 02/7 đến 17 giờ 00 ngày 14/7/2026	
	Nhà trường tải dữ liệu, tổ chức xét tuyển trên Hệ thống	Từ ngày 29/7 đến 17 giờ 00 ngày 10/8/2026	
	Công bố thí sinh trúng tuyển, xác nhận nhập học vào Hệ thống	Trước 17 giờ 00 ngày 13/8/2026	
2. Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT (PTXT 100) 3. Xét kết quả học tập cấp THPT (PTXT 200) 4. Sử dụng kết quả bài thi đánh giá năng lực do ĐHQGHN tổ chức để xét tuyển (PTXT 402) 5. Sử dụng kết quả Kỳ thi V-SAT do các cơ sở giáo dục tổ chức để xét tuyển (PTXT 417)	Thí sinh nộp minh chứng điểm cộng và chứng chỉ IELTS trực tuyến	Từ ngày 15/6 đến 17 giờ 00 ngày 30/6/2026	Xem Mục 4.2 và 4.3, Phần II
	Thí sinh đăng ký, điều chỉnh, bổ sung NVXT vào Hệ thống	Từ ngày 02/7 đến 17 giờ 00 ngày 14/7/2026	
	Nhà trường cập nhật ngưỡng ĐBCL đầu vào lên Hệ thống	Trước 17 giờ 00 ngày 10/7/2026	
	Thí sinh nộp lệ phí xét tuyển, lệ phí quy đổi IELTS (nếu có) cho Nhà trường	Từ ngày 10/7 đến 17 giờ 00 ngày 20/7/2026	Xem Mục Mục 7, Phần II
	Thí sinh nộp lệ phí xét tuyển trực tuyến cho Bộ GD&ĐT	Từ ngày 15/7 đến 17 giờ 00 ngày 21/7/2026	Theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT
	Nhà trường tải dữ liệu, rà soát và tổ chức xét tuyển trên Hệ thống	Từ ngày 29/7 đến 17 giờ 00 ngày 10/8/2026	
	Công bố thí sinh trúng tuyển, xác nhận nhập học vào Hệ thống	Trước 17 giờ 00 ngày 13/8/2026	
Tổ chức xét bổ sung từ 01/8/2026 đến tháng 12/2026 (nếu còn chỉ tiêu)			

6. Chính sách ưu tiên

Chính sách ưu tiên (khu vực, đối tượng) thực hiện theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT (Điều 7, Thông tư 06/2026/TT-BGDĐT, ngày 15/02/2026). Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp, trung học nghề) và một năm kế tiếp.

7. Lệ phí xét tuyển

TT	Phương thức xét tuyển	Số tiền và cách thức nộp tiền
1	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT (PTXT 100)	Số tiền và cách thức nộp tiền theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.



2	- Xét kết quả học tập cấp THPT (PTXT 200). - Sử dụng kết quả bài thi đánh giá năng lực do ĐHQGHN tổ chức để xét tuyển (PTXT 402) - Sử dụng kết quả Kỳ thi V-SAT (PTXT 417).	Ngoài lệ phí xét tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT, thí sinh phải nộp 60.000 VNĐ/hồ sơ
3	Xét tuyển thẳng theo quy chế Bộ GD&ĐT	Ngoài lệ phí xét tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT, thí sinh phải nộp 200.000 VNĐ/hồ sơ
4	Lệ phí xét quy đổi chứng chỉ IELTS sang thang điểm 10 (nếu có)	60.000 VNĐ/hồ sơ

Thời gian, cách thức nộp, sẽ được nhà trường hướng dẫn cụ thể tại địa chỉ: <http://tuyensinh.tump.edu.vn/article/huong-dan-nop-le-phi-xet-tuyen-dai-hoc-cao-dang-nam-2026>

8. Cam kết của cơ sở đào tạo đối với thí sinh

Giải thích khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro, giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh được Nhà trường đảm bảo thực hiện theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Hội đồng tuyển sinh của Trường.

9. Học phí và chính sách hỗ trợ

- Học phí được xác định đảm bảo phù hợp với quy định tại Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03/09/2025 của Chính phủ Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và các văn bản sửa đổi, bổ sung khác (nếu có).

- Hằng năm, Nhà trường dành khoảng 8% học phí để khuyến khích những sinh viên có thành tích học tập xuất sắc, hoặc những sinh viên có hoàn cảnh khó khăn đặc biệt.

- Mức học phí năm học 2026-2027: Dự kiến tháng 05/2026 sẽ được đăng tải tại website của Nhà trường (<https://tump.edu.vn>).

10. Thông tin tuyển sinh của 02 năm gần nhất

Thông tin chi tiết tại Phụ lục I kèm theo.

III. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC (HÌNH THỨC LIÊN THÔNG CHÍNH QUY, LIÊN THÔNG VỪA LÀM VỪA HỌC, VỪA LÀM VỪA HỌC)

1. Đối tượng tuyển sinh, điều kiện dự tuyển

1.1. Đối tượng

1.1.1. Đại học liên thông

- Ngành Y khoa:

+ Thí sinh có bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng chính quy Y sĩ;

+ Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học chính quy thuộc lĩnh vực sức khỏe có cấp giấy phép hành nghề.

- Ngành Răng – Hàm – Mặt: Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học chính quy thuộc lĩnh vực sức khỏe có cấp giấy phép hành nghề hoặc liên thông chính quy ngành Y khoa.

- Ngành Dược học: Thí sinh có bằng tốt nghiệp cao đẳng chính quy ngành Dược.

- Ngành Điều dưỡng: Thí sinh có bằng tốt nghiệp cao đẳng ngành Điều dưỡng.

- Ngành Hộ sinh: Thí sinh có bằng tốt nghiệp cao đẳng ngành Hộ sinh.

- Ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học:

Thí sinh có bằng tốt nghiệp cao đẳng các ngành: Kỹ thuật xét nghiệm y học, Xét nghiệm y học, Xét nghiệm, Kỹ thuật viên xét nghiệm đa khoa, Kỹ thuật y học.

1.1.2. Đại học vừa làm vừa học

Người đã được công nhận tốt nghiệp THPT, THN của Việt Nam hoặc của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương với THPT, THN của Việt Nam do các đơn vị chức năng xác định tại thời điểm xét.

1.2 Điều kiện dự tuyển đại học liên thông

TT	Tên ngành	Hình thức đào tạo	Điều kiện dự tuyển
1	Y khoa	Liên thông chính quy	<p>a) Thí sinh dự tuyển liên thông chính quy giữa trình độ trung cấp, cao đẳng (Y sĩ) với trình độ đại học cần có:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bằng tốt nghiệp Y sĩ (đào tạo chính quy); - Giấy phép hành nghề/Chứng chỉ hành nghề; và đạt MỘT trong các tiêu chí sau: - Kết quả trung bình chung học tập đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 8,00 trở lên theo thang điểm 10. - Tốt nghiệp THPT loại giỏi trở lên hoặc kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá (học lực xếp loại khá) và có 03 năm kinh nghiệm công tác liên tục đúng với chuyên môn đào tạo. - Tốt nghiệp Y sĩ đạt loại giỏi trở lên. - Tốt nghiệp Y sĩ đạt loại khá và có 03 năm kinh nghiệm công tác liên tục đúng với chuyên môn đào tạo. <p>b) Thí sinh dự tuyển liên thông chính quy giữa trình độ ĐH với trình độ ĐH cần có:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có bằng tốt nghiệp ĐH chính quy thuộc lĩnh vực sức khỏe có cấp giấy phép hành nghề; <p>Và cần đạt MỘT trong các tiêu chí sau:</p>

			<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả trung bình chung học tập đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 8,00 trở lên theo thang điểm 10. - Tốt nghiệp THPT loại giỏi trở lên hoặc kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá (học lực xếp loại khá) và có 03 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo. - Tốt nghiệp đại học đạt loại giỏi trở lên. - Tốt nghiệp trình độ đại học đạt loại khá và có 03 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo.
2	Răng – Hàm – Mặt	Liên thông chính quy	<p>Thí sinh dự tuyển liên thông chính quy giữa trình độ ĐH với trình độ ĐH cần có:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bằng tốt nghiệp đại học chính quy thuộc lĩnh vực sức khỏe có cấp giấy phép hành nghề hoặc liên thông chính quy ngành Y khoa. <p>Và cần đạt MỘT trong các tiêu chí sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết quả trung bình chung học tập đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 8,00 trở lên theo thang điểm 10. - Tốt nghiệp THPT loại giỏi trở lên hoặc kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá (học lực xếp loại khá) và có 03 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo. - Tốt nghiệp đại học đạt loại giỏi trở lên. - Tốt nghiệp trình độ đại học đạt loại khá và có 03 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo.
3	Dược học	Liên thông chính quy	<p>Thí sinh cần có bằng tốt nghiệp cao đẳng chính quy ngành Dược và cần đạt MỘT trong các tiêu chí sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết quả trung bình chung học tập đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 8,00 trở lên theo thang điểm 10; - Tốt nghiệp THPT loại giỏi trở lên hoặc kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá (học lực xếp loại khá) và có 03 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo; - Tốt nghiệp cao đẳng đạt loại giỏi trở lên; - Tốt nghiệp trình độ cao đẳng đạt loại khá và có 03 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo.
4	Điều dưỡng	Liên thông VLVH	<p>Thí sinh cần có bằng tốt nghiệp cao đẳng đúng chuyên ngành dự tuyển và đạt MỘT trong các tiêu chí sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức khá (học lực xếp loại khá) hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 6,50 trở lên theo thang điểm 10;
5	Hộ sinh	Liên thông VLVH	<ul style="list-style-type: none"> - Tốt nghiệp THPT, trung học nghề loại khá hoặc có kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức đạt (học lực xếp loại trung bình) và có 05 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;
6	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Liên thông VLVH	<ul style="list-style-type: none"> - Tốt nghiệp trình độ cao đẳng đạt loại khá trở lên.

7	Điều dưỡng	Vừa làm vừa học	Kết quả trung bình chung học tập đánh giá mức khá (học lực xếp loại từ khá trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT đạt 16,50 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (trung học nghề) từ 6,50 trở lên theo thang điểm 10.
8	Hộ sinh	Vừa làm vừa học	
9	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Vừa làm vừa học	

2. Mô tả phương thức tuyển sinh

- Đối với ngành Dược học: Xét tuyển dựa trên kết quả học tập 2 kỳ lớp 12 (Điểm trung bình chung lớp 12 của 03 môn Toán, Vật lý, Hóa học + Điểm cộng, điểm ưu tiên (nếu có)).

- Đối với các ngành khác: Xét tuyển dựa trên kết quả học tập 2 kỳ lớp 12 (Điểm trung bình chung lớp 12 của 03 môn Toán, Hóa học, Sinh học + Điểm cộng, điểm ưu tiên (nếu có)).

- Nguyên tắc xét tuyển dựa vào ĐXT, xét lần lượt từ điểm cao đến điểm thấp cho đến hết số lượng theo chỉ tiêu của ngành xét tuyển.

3. Số lượng tuyển sinh (Dự kiến)

TT	Đối tượng	Tên ngành	Mã ngành	Số lượng	Phương thức tuyển sinh
1	Liên thông CQ Cao đẳng, Trung cấp - Đại học	Y khoa	7720101	95	Xét tuyển
2	Liên thông CQ Cao đẳng - Đại học	Dược học	7720201	40	
3	Liên thông CQ Đại học - Đại học	Y khoa	7720101	25	
		Răng – Hàm – Mặt	7720501	25	
4	Liên thông VLVH Cao đẳng - Đại học	Điều dưỡng	7720301	50	
		Hộ sinh	7720302	22	
		Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	24	
5	Đại học VLVH	Điều dưỡng	7720301	250	
		Hộ sinh	7720302	110	
		Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	120	
Tổng cộng				761	

4. Các thông tin cần thiết khác

4.1. Các điều kiện phụ

Đối với các thí sinh có ĐXT bằng nhau ở cuối danh sách thì Nhà trường sẽ xét trúng tuyển dựa trên tiêu chí ưu tiên thí sinh có kết quả học tập môn Toán lớp 12 cấp THPT cao hơn.

4.2. Điểm cộng

Điểm cộng của thí sinh có chứng chỉ IELTS⁵ từ 5.5 điểm trở lên được tính như sau:

Thành tích học tập	Mức điểm cộng
Điểm IELTS từ 8.5 – 9.0	1,50
Điểm IELTS từ 7.0 – 8.0	1,25
Điểm IELTS từ 6.0 – 6.5	1,00
Điểm IELTS 5.5	0,50

Đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 25 trở lên, để đảm bảo tổng điểm không vượt quá 30, điểm cộng được xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm cộng} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/5] \times \text{Mức điểm cộng}$$

4.3. Điểm ưu tiên

- Điểm ưu tiên bao gồm: điểm khu vực, đối tượng (nếu có). Điểm ưu tiên được thực hiện theo quy chế tuyển sinh Bộ GD&ĐT.

- Đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về thang điểm 10 và tổng điểm 3 môn tối đa 30 điểm), điểm ưu tiên được xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên}$$

4.4 Yêu cầu đối với thí sinh trúng tuyển

- Thí sinh trúng tuyển cần xác nhận nhập học và đến trường làm thủ tục nhập học trong thời gian quy định. Quá thời hạn này, thí sinh không đến nhập học nếu không có lý do chính đáng được xem như từ chối nhập học.

- Khi thí sinh trúng tuyển nhập học cần nộp đầy đủ hồ sơ, giấy tờ theo thông báo của Nhà trường. Hội đồng tuyển sinh của Trường sẽ tổ chức kiểm tra hồ sơ đã nộp, đặc biệt là các minh chứng để hưởng chế độ ưu tiên, điểm cộng. Các sai sót nếu có, sẽ được xử lý theo quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành.

- Trong quá trình xét tuyển và khi sinh viên đang theo học, Nhà trường sẽ tổ chức thanh, kiểm tra hồ sơ và điểm xét tuyển của thí sinh. Thí sinh chịu trách nhiệm về tính xác thực và các thông tin đã cung cấp cho Nhà trường. Nhà trường có quyền từ chối tiếp nhận hoặc buộc thôi học nếu thí sinh không đảm bảo các điều kiện trúng tuyển khi đối chiếu thông tin.

5. Tổ chức tuyển sinh

Thời gian, hồ sơ, hình thức đăng ký xét tuyển... sẽ được Nhà trường cụ thể trong thông báo tuyển sinh đại học hệ liên thông chính quy, liên thông vừa làm vừa học và đại học vừa làm vừa học năm 2026 của Trường.

6. Chính sách ưu tiên

Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên theo khu vực và đối tượng theo Quy định tại Điều 7, Chương I, Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục mầm non trình độ cao đẳng Ban hành kèm theo Thông tư 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Lệ phí xét tuyển

Theo thông báo tuyển sinh đại học liên thông chính quy, liên thông VLVH, đại học VLVH năm 2026 của Nhà trường.

⁵ Chứng chỉ IELTS do British Council/IDP Education cấp tính từ ngày cấp đến thời điểm thu hồ sơ không quá 24 tháng

8. Cam kết của cơ sở đào tạo

Giải thích khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro, giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh được Nhà trường đảm bảo thực hiện theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Hội đồng tuyển sinh của Trường.

9. Học phí và chính sách hỗ trợ

- Học phí được xác định đảm bảo phù hợp với quy định tại Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03/09/2025 của Chính phủ Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và các văn bản sửa đổi, bổ sung khác (nếu có).

- Hằng năm, Nhà trường dành khoảng 8% học phí để khuyến khích những sinh viên (chính quy) có thành tích học tập xuất sắc, hoặc những sinh viên có hoàn cảnh khó khăn đặc biệt.

- Mức học phí năm học 2026-2027: Dự kiến tháng 05/2026 sẽ được đăng tải tại website của Nhà trường (<http://tump.edu.vn>).

10. Thông tin tuyển sinh của 2 năm gần nhất

Thông tin chi tiết tại Phụ lục II kèm theo.

IV. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

1.1 Người dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức bao gồm:

Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT), trung học nghề của Việt Nam hoặc của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương với trung học phổ thông (THPT), trung học nghề của Việt Nam do các đơn vị chức năng xác định.

1.2. Đối tượng dự tuyển phải đáp ứng các điều kiện sau

- a) Điểm trung bình cộng tối thiểu các môn thuộc tổ hợp xét tuyển phải đạt từ 5,0 trở lên;
- b) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- c) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định của Nhà trường;
- d) Nộp đủ lệ phí xét tuyển theo quy định tại Mục 8, Phần IV văn bản này.

2. Các phương thức tuyển sinh trình độ cao đẳng

2.1. Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT: Sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT của 03 môn thuộc tổ hợp xét tuyển tại Mục 5, phần IV văn bản này.

Mã phương thức xét tuyển (PTXT): 100

2.2. Xét kết quả học tập cấp THPT: Sử dụng kết quả học tập lớp 12 bậc học THPT của 03 môn thuộc tổ hợp xét tuyển tại Mục 5, phần IV văn bản này .

Mã phương thức xét tuyển (PTXT): 200

3. Nguyên tắc xét tuyển

Điểm xét tuyển (ĐXT): Là tổng điểm thi tốt nghiệp THPT hoặc kết quả học tập cấp THPT của 3 môn, thuộc tổ hợp xét tuyển cộng với điểm cộng, điểm ưu tiên (nếu có).

Dựa vào ĐXT, xét lần lượt từ điểm cao đến điểm thấp cho đến hết số lượng theo chỉ tiêu của ngành xét tuyển.

Đối với thí sinh có chứng chỉ IELTS, chỉ được dùng để quy đổi sang môn tiếng Anh hoặc tính điểm cộng, cách quy đổi được thực hiện theo Mục 7, Phần IV văn bản này.

4. Hồ sơ xét tuyển, đăng ký xét tuyển

a) Phiếu đăng ký dự tuyển theo mẫu;

b) Bản sao có chứng thực các giấy tờ: (i) Bản sao Bằng tốt nghiệp THPT (hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2026) hoặc tương đương; (ii) Giấy chứng nhận kết quả kỳ thi THPT Quốc gia; (iii) Bản sao học bạ cấp THPT; (iv) Bản sao căn cước công dân; (v) Bản sao Giấy chứng nhận đối tượng ưu tiên (nếu có);

c) Minh chứng điểm cộng (nếu có) theo quy định tại Mục 7.2, Phần IV văn bản này;

d) 01 phong bì có dán tem, ghi rõ họ tên, địa chỉ, số điện thoại của người nhận.

Thí sinh đăng ký nộp hồ sơ trực tuyến⁶ và nộp hồ sơ trực tiếp tại: Trung tâm tư vấn và hợp tác đào tạo, Trường Đại học Y – Dược, cơ sở Quang Trung, Tổ 9, phường Quyết Thắng, đường Quang Trung, tỉnh Thái Nguyên.

5. Các thông tin cần thiết khác

- Khi thí sinh trúng tuyển nhập học, Hội đồng tuyển sinh của Trường sẽ tổ chức kiểm tra hồ sơ đã nộp, đặc biệt là các minh chứng để hưởng chế độ ưu tiên, điểm cộng. Các sai

⁶ Đăng ký trực tuyến qua App hoặc Fan page của trường tại: <https://www.facebook.com/share/14VdH1PZYGA>



sốt nếu có, sẽ được xử lý theo quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành.

- Trong quá trình xét tuyển và khi sinh viên đang theo học, Nhà trường sẽ tổ chức thanh, kiểm tra hồ sơ và điểm xét tuyển của thí sinh. Thí sinh chịu trách nhiệm về tính xác thực và các thông tin đăng ký trên cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GD&ĐT. Nhà trường có quyền từ chối tiếp nhận hoặc buộc thôi học nếu thí sinh không đảm bảo các điều kiện trúng tuyển khi đối chiếu thông tin.



6. Số lượng tuyển sinh trình độ cao đẳng (Dự kiến)

T T	Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo (CTĐT)	Mã ngành	Tên ngành	Số lượng	Phương thức xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển
1	CDY101	Cao đẳng Y sĩ đa khoa	6720101	Y sĩ đa khoa	1.000	1. Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT (PTXT 100). 2. Xét kết quả học tập cấp THPT (PTXT 200).	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A18: Toán, Hóa học, KHXH B00: Toán, Hóa học, Sinh học B05: Toán, Sinh học, KHXH B02: Toán, Sinh học, Địa lý C03: Văn, Toán, Sử C05: Văn, Vật lý, Sử C06: Văn, Vật lý, Sinh học C08: Văn, Hóa học, Sinh học D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh D08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh Ghi chú: Các tổ hợp A18 và B05 chỉ áp dụng đối với PTXT 200
2	CDY102	Cao đẳng Y học cổ truyền	6720102	Y học cổ truyền	300		
3	CDY201	Cao đẳng Dược	6720201	Dược	400		
4	CDY301	Cao đẳng Điều dưỡng	6720301	Điều dưỡng	1.000		
5	CDY303	Cao đẳng Hộ sinh	6720303	Hộ sinh	200		
Tổng cộng:					2.900		

7. Tổ chức tuyển sinh

Thực hiện 4 đợt tuyển sinh/năm vào các tháng: 3,8,9,12 hoặc theo nhu cầu của xã hội.

8. Chính sách ưu tiên, điểm cộng

Chính sách ưu tiên (khu vực, đối tượng) thực hiện theo quy định hiện hành. Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực trong năm tốt nghiệp THPT và một năm liền kề.

Điểm cộng của thí sinh bao gồm: (i) Chứng chỉ IELTS⁷ từ 4.0 điểm trở lên, (ii) Kết quả học tập cấp THPT được đánh giá mức khá hoặc học lực xếp loại khá trở lên.

8.1. Quy đổi điểm chứng chỉ IELTS sang thang điểm 10 môn tiếng Anh

TT	Điểm IELTS	Thang điểm 10
1	6.0 - 9.0	10
2	5.5	9,5
3	5.0	9,0
4	4.5	8,5
5	4.0	8,0

Chú ý: Thí sinh có chứng chỉ IELTS được dùng cho quy đổi điểm môn Tiếng Anh trong tổ hợp xét tuyển hoặc sử dụng cho điểm khuyến khích.

8.2. Quy đổi mức điểm cộng

Thành tích	Giải	Mức điểm cộng	Thành phần điểm cộng
Học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương trong thời gian học cấp THPT	Nhất	1,50	Điểm thưởng
	Nhi	1,40	
	Ba	1,30	
Kết quả học tập cấp THPT năm được đánh giá mức tốt hoặc học lực xếp loại giỏi trở lên mỗi năm được cộng		0,50	Điểm thưởng
Kết quả học tập cấp THPT năm được đánh giá mức khá hoặc học lực xếp loại khá mỗi năm được cộng		0,25	
Điểm IELTS từ 8.5 – 9.0		1,50	Điểm khuyến khích
Điểm IELTS từ 6.5 – 8.0		1,25	
Điểm IELTS từ 4.0 – 6.0		1,00	

⁷ Chứng chỉ IELTS do British Council/IDP Education cấp tính từ ngày cấp đến ngày 30/6/2026 không quá 24 tháng

9. Lệ phí xét tuyển

TT	Phương thức xét tuyển	Số tiền và cách thức nộp tiền ⁸
1	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT (PTXT 100)	60.000 VNĐ/Hồ sơ Nộp trực tiếp vào tài khoản của Nhà trường.
2	Xét kết quả học tập cấp THPT (PTXT 200)	

10. Cam kết của cơ sở đào tạo đối với thí sinh

- Giải thích khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro, giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh được Nhà trường đảm bảo thực hiện theo các Quy định hiện hành và Hội đồng tuyển sinh của Trường.

- Học phí được xác định đảm bảo phù hợp với quy định tại Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03/09/2025 của Chính phủ Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và các văn bản sửa đổi, bổ sung khác (nếu có).

- Hằng năm, Nhà trường dành khoảng 8% học phí để khuyến khích những sinh viên có thành tích học tập xuất sắc, hoặc những sinh viên có hoàn cảnh khó khăn đặc biệt.

- Mức học phí năm học 2026-2027: Dự kiến tháng 05/2026 sẽ được đăng tải tại website của Nhà trường (<http://tump.edu.vn>).

11. Thông tin tuyển sinh của 02 năm gần nhất

Thông tin chi tiết tại Phụ lục III kèm theo.

Cán bộ tuyển sinh

Họ và tên: Đỗ Văn Toàn
 Phó trưởng Phụ trách phòng ĐT, KH&CN
 Điện thoại: 0947 951 666
 Email: dovantoan@tnmc.edu.vn

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 3 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



GS.TS Nguyễn Tiến Dũng

⁸ Nộp vào tài khoản của Trường theo hướng dẫn tại <http://tuyensinh.tump.edu.vn/article/huong-dan-nop-le-phi-xet-tuyen-dai-hoc-cao-dang-nam-2026>

PHỤ LỤC I: THÔNG TIN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024, 2025*(Kèm theo Thông tin tuyển sinh năm 2026 của trường Đại học Y - Dược, ĐHTN)*

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2025			Năm 2024		
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét
1	DTY101	Y khoa	7720101	Y khoa	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	600	141	25,85/30	288	162	26,25/30
	DTY101	Y khoa	7720101	Y khoa	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)		368		120	347	27,30/30
	DTY101	Y khoa	7720101	Y khoa	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội		46		60	29	20,05/30
	DTY101	Y khoa	7720101	Y khoa	Sử dụng kết quả thi đánh giá đầu vào đại học của Đại học Thái Nguyên để xét tuyển		34		30	20	23,37/30
	DTY101	Y khoa	7720101	Y khoa	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)		5		6	7	
	DTY101	Y khoa	7720101	Y khoa	Xét tuyển sớm theo Đề án của Trường				60	75	
	DTY101_DB	Y khoa	7720101	Y khoa	Dự bị		19		30	31	
	DTY101_LHSHD	Y khoa	7720101	Y khoa	Lưu học sinh hiệp định		12				
2	DTY110	Y học dự phòng	7720110	Y học dự phòng	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	100	23	18,30/30	42	74	21,00/30



	DTY110	Y học dự phòng	7720110	Y học dự phòng	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)		69		32	21	22,00/30
3	DTY201	Dược học	7720201	Dược học	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	200	36	22,80/30	96	85	24,75/30
	DTY201	Dược học	7720201	Dược học	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)		137		40	109	25,80/30
	DTY201	Dược học	7720201	Dược học	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội		1		20	4	18,45/30
	DTY201	Dược học	7720201	Dược học	Sử dụng kết quả thi đánh giá đầu vào đại học của Đại học Thái Nguyên để xét tuyển		3		10	2	20,25/30
	DTY201_DB	Dược học	7720201	Dược học	Dự bị		2		10	2	
4	DTY301	Điều dưỡng	7720301	Điều dưỡng	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	230	90	20,00/30	122	138	21,80/30
	DTY301	Điều dưỡng	7720301	Điều dưỡng	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)		147		92	128	23,30/30
	DTY301	Điều dưỡng	7720301	Điều dưỡng	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội		1				
	DTY301	Điều dưỡng	7720301	Điều dưỡng	Sử dụng kết quả thi đánh giá đầu vào đại học của Đại học Thái Nguyên để xét tuyển		1				
	DTY301_DB	Điều dưỡng	7720301	Điều dưỡng	Dự bị		1				
5	DTY302	Hộ sinh	7720302	Hộ sinh	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	50	29	18,75/30	21	24	19,50/30
	DTY302	Hộ sinh	7720302	Hộ sinh	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)		23		16	15	20,75/30

6	DTY501	Răng - Hàm - Mặt	7720501	Răng - Hàm - Mặt	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	90	14	26,15/30	38	21	26,35/30
	DTY501	Răng - Hàm - Mặt	7720501	Răng - Hàm - Mặt	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)		46		16	49	27,65/30
	DTY501	Răng - Hàm - Mặt	7720501	Răng - Hàm - Mặt	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội		9		8	2	19,70/30
	DTY501	Răng - Hàm - Mặt	7720501	Răng - Hàm - Mặt	Sử dụng kết quả thi đánh giá đầu vào đại học của Đại học Thái Nguyên để xét tuyển		13		4	2	22,70/30
	DTY501	Răng - Hàm - Mặt	7720501	Răng - Hàm - Mặt	Xét tuyển sớm theo Đề án của Trường				8	5	
	DTY501_DB	Răng - Hàm - Mặt	7720501	Răng - Hàm - Mặt	Dự bị		5				
	DTY501_LHSHD	Răng - Hàm - Mặt	7720501	Răng - Hàm - Mặt	Lưu học sinh hiệp định		6		4	7	
7	DTY601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	60	15	22,50/30	26	40	24,00/30
	DTY601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)		39		20	24	25,00/30
	DTY601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Sử dụng kết quả thi đánh giá đầu vào đại học của Đại học Thái Nguyên để xét tuyển		3				
8	DTY602	Kỹ thuật hình ảnh y học	7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	60	28	21,25/30	26	50	20,00/30
	DTY602	Kỹ thuật hình ảnh y học	7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)		33		20	22	21,00/30
	DTY602_DB	Kỹ thuật hình ảnh y học	7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học	Dự bị		1				

9	DTY603	Kỹ thuật phục hồi chức năng	7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	60	29	20,50/30	26	33	20,00/30
	DTY603	Kỹ thuật phục hồi chức năng	7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)		40		20	27	21,00/30
	DTY603	Kỹ thuật phục hồi chức năng	7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng	Sử dụng kết quả thi đánh giá đầu vào đại học của Đại học Thái Nguyên để xét tuyển		1				
	DTY603_LHSHD	Kỹ thuật phục hồi chức năng	7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng	Lưu học sinh hiệp định		3				

PHỤ LỤC II: THÔNG TIN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG, ĐẠI HỌC VLVH NĂM 2024, 2025
(Kèm theo Thông tin tuyển sinh năm 2026 của trường Đại học Y - Dược, ĐHTN)

T T	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2025			Năm 2024		
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/ Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/ Thang điểm xét
1	LTT101	Y khoa	7720101	Y khoa	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	115	14	15,90/30	120	55	15,20/30
2	LTD101	Y khoa	7720101	Y khoa	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	35	18	18,05/30	30	8	22,55/30
3	LTC201	Dược học	7720201	Dược học	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	0	0		50	3	19,80/30
4	DVC301	Điều dưỡng	7720301	Điều dưỡng	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	368	0		384	0	
5	LVC301	Điều dưỡng	7720301	Điều dưỡng	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	60	56	20,30/30	66	61	18,60/30
6	DVC302	Hộ sinh	7720302	Hộ sinh	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	70	1	18,30/30	48	0	
7	LVC302	Hộ sinh	7720302	Hộ sinh	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	7	6	22,80/30	0	0	
8	LTD501	Răng - Hàm - Mặt	7720501	Răng - Hàm - Mặt	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	25	22	20,20/30	20	16	19,40/30
9	DVC601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	60	0		48	0	
10	LVC601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	30	14	15,30/30	30	16	16,60/30

PHỤ LỤC III: THÔNG TIN TUYỂN SINH CAO ĐẲNG NĂM 2024, 2025
(Kèm theo Thông tin tuyển sinh năm 2026 của trường Đại học Y - Dược, ĐHTN)

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo	Mã ngành	Tên ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2025			Năm 2024			Ghi chú
						Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
1	CDY101	CTĐT Cao đẳng y sĩ đa khoa	6720101	Y sĩ đa khoa	PTXT 100 PTXT 200	250	309	15,00/30	250	255	15,00/30	
2	CDY102	CTĐT Cao đẳng y học cổ truyền	6720102	Y học cổ truyền	PTXT 100 PTXT 200	70	69	15,00/30	70	52	15,00/30	
3	CDY201	CTĐT Cao đẳng dược	6720201	Dược	PTXT 100 PTXT 200	550	102	15,00/30	550	194	15,00/30	
4	CDY301	CTĐT Cao đẳng điều dưỡng	6720301	Điều dưỡng	PTXT 100 PTXT 200	550	361	15,00/30	550	343	15,00/30	
5	CDY303	CTĐT Cao đẳng hộ sinh	6720303	Hộ sinh	PTXT 100 PTXT 200	265	5	15,00/30	265	38	15,00/30	

